

THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 (sau đây gọi là Đề án TBT) được phê duyệt tại Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Bộ, ngành, địa phương) và tổ chức, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án TBT.

Điều 3. Cơ quan tổ chức thực hiện Đề án TBT

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Đề án TBT.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là Cơ quan thường trực giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Đề án TBT.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các dự án 1, 4, 5, 6 thuộc Đề án TBT.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các dự án 2, 3 thuộc Đề án TBT.

3. Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT trong phạm vi quản lý của mình.

Cơ quan quản lý Đề án TBT của Bộ, ngành do lãnh đạo Bộ, ngành chỉ định, giúp lãnh đạo Bộ, ngành tổ chức thực hiện Đề án TBT trong phạm vi quản lý của mình.

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý Đề án TBT ở địa phương, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Đề án TBT trong phạm vi quản lý của địa phương.

4. Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (sau đây gọi là Ban liên ngành TBT) thực hiện chức năng điều phối việc thực hiện triển khai Đề án TBT và việc phối kết hợp với các chương trình, đề án, dự án có liên quan nhằm bảo đảm việc thực hiện Đề án TBT có hiệu quả, tránh chồng chéo.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TBT

Điều 4. Xây dựng Chương trình hành động, dự án thuộc Đề án TBT

1. Bộ, địa phương xây dựng Chương trình hành động triển khai Đề án TBT giai đoạn 2011-2015 theo Khung chương trình hành động triển khai Đề án tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương trình hành động của các Bộ, địa phương được gửi cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

2. Bộ chủ trì thực hiện dự án thuộc Đề án TBT xây dựng các dự án được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện dự án.

Điều 5. Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước chi thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT

1. Hàng năm, theo tiến độ xây dựng kế hoạch, căn cứ Chương trình hành động triển khai Đề án TBT, căn cứ nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án TBT, Bộ, ngành, địa phương lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT cho năm kế hoạch.

2. Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chi thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT được tổng hợp trong kế hoạch và dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, ngành, địa phương, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và phối hợp thực hiện.

3. Việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT thực hiện theo Thông tư quy định về nội dung chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án TBT do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 6. Kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT

1. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án TBT do Bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện; tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án TBT của các Bộ, ngành, địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ, ngành, địa phương kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT do cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành, địa phương thực hiện; gửi báo cáo cho Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Các cơ quan, tổ chức phải chuẩn bị và cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến nhiệm vụ thuộc Đề án TBT được giao và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá đạt kết quả.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án TBT

1. Trách nhiệm của Cơ quan thường trực (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

a) Phối hợp với cơ quan quản lý Đề án TBT của Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về Đề án TBT;

b) Lập kế hoạch và dự toán kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện; chi cho các hoạt động chung của Đề án TBT;

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT của Bộ, ngành, địa phương; báo cáo và đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Đề án TBT;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án TBT;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT của các Bộ, ngành, địa phương;

e) Lưu giữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu của Đề án TBT theo quy định.

Cơ quan thường trực được bảo đảm các điều kiện về kinh phí, phương tiện làm việc và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Bộ chủ trì thực hiện dự án thuộc Đề án TBT

a) Xây dựng dự án được phân công chủ trì thực hiện; hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương xây dựng, thực hiện nhiệm vụ của dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương;

b) Tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện dự án;

c) Báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương thực hiện Đề án TBT

a) Các Bộ, địa phương xây dựng Chương trình hành động triển khai Đề án TBT giai đoạn 2011-2015; kế hoạch hàng năm thực hiện Đề án TBT trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương;

b) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công Thương trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Đề án TBT;

c) Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT;

d) Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án TBT do cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện;

đ) Báo cáo tình hình thực hiện Đề án TBT gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Trách nhiệm của Ban liên ngành TBT: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2011.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TƯỚNG**



Trần Việt Thanh

Phụ lục
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN
THỰC THI HIỆP ĐỊNH HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI
GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 24/2011/TT-BKHCHN
ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN THỰC THI HIỆP ĐỊNH HÀNG RÀO
KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN 2011-2015
CỦA BỘ, TỈNH/THÀNH PHỐ.....

I. MỤC TIÊU

Triển khai thực hiện Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 được phê duyệt tại Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

(Các nhiệm vụ của Chương trình được xác định trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ chủ yếu của Đề án TBT giai đoạn 2011-2015 và phù hợp với đặc thù của Bộ, ngành, địa phương; trong đó phải cụ thể hoá được nội dung công việc, giải pháp thực hiện, tiến độ và phân công cơ quan, đơn vị thực hiện)

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến áp dụng hàng rào kỹ thuật ở Việt Nam.

b) Nghiên cứu áp dụng công cụ nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật (phương pháp đánh giá tác động quản lý, quy chế thực hành quản lý tốt, phương pháp đánh giá hiệu quả áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật...).

2. Xây dựng các biện pháp kỹ thuật để triển khai áp dụng trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu bảo đảm sự phù hợp với quy định của hiệp định TBT và pháp luật Việt Nam

a) Nghiên cứu, đề xuất khả năng và phương thức áp dụng các biện pháp kỹ thuật được các thành viên WTO áp dụng trong thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu, bảo đảm an toàn, sức khỏe người tiêu dùng, bảo vệ môi trường sinh thái...

b) Xây dựng và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật để “phòng vệ” sự xâm nhập của hàng hóa nhập khẩu kém chất lượng, bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, bảo vệ môi trường...

c) Xây dựng và áp dụng các cơ chế kiểm soát chất lượng hàng hoá nhằm ngăn chặn sự thâm nhập và lưu thông trên thị trường của hàng hoá nhập khẩu kém chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

d) Ký kết hiệp định hoặc thoả thuận kiểm tra tại bến đi (preshipment inspection) và hiệp định hoặc thoả thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp, đặc biệt đối với hàng hoá là nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất.

đ) Xây dựng hệ thống cảnh báo nhanh về nguy cơ mất an toàn của hàng hoá sản xuất trong nước và nhập khẩu; tham gia vào hệ thống cảnh báo nhanh về chất lượng hàng hoá giữa các nước.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các biện pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy xuất khẩu, nhập khẩu

a) Nghiên cứu, phổ biến và triển khai các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua rào cản kỹ thuật phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt các quy định của WTO.

b) Tổ chức các kênh tham vấn (trực tuyến, hội nghị,...) cho doanh nghiệp về các biện pháp kỹ thuật được xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

c) Hình thành mạng lưới tư vấn, giải đáp cho doanh nghiệp về hàng rào kỹ thuật của các thị trường; giải pháp đáp ứng yêu cầu của thị trường, vượt qua hàng rào kỹ thuật cho doanh nghiệp đối với các lĩnh vực hoặc hàng hoá cụ thể.

d) Phát triển dịch vụ tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp; áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; thử nghiệm, đo lường, đánh giá, thẩm định, giám sát chất lượng và môi trường...

đ) Triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy năng suất chất lượng, phát triển tài sản trí tuệ, đổi mới công nghệ, tiết kiệm năng lượng...

4. Tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức kỹ thuật trong xây dựng và triển khai các biện pháp kỹ thuật trong thương mại

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng xây dựng văn bản pháp luật, cập nhật kiến thức về pháp luật, thương mại và TBT cho cơ quan, tổ chức và chuyên gia tham gia xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật liên quan đến TBT.

b) Đào tạo, tập huấn về kỹ năng đàm phán và kiến thức chuyên môn về TBT cho các cán bộ đàm phán về TBT.

c) Tăng cường năng lực kỹ thuật cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện có hiệu quả các quy định về TBT.

5. Duy trì và nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ban liên ngành TBT, Mạng lưới TBT Việt Nam

a) Đào tạo, tập huấn cho thành viên Ban liên ngành TBT, cán bộ của Mạng lưới TBT Việt Nam về kiến thức pháp luật, thương mại, kỹ năng chuyên môn về TBT...

b) Duy trì hoạt động của Ban liên ngành TBT (nghiên cứu, đề xuất chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện nghĩa vụ quy định trong Hiệp định TBT ở Việt Nam; tham gia các hoạt động về TBT trong, ngoài nước...).

c) Phối hợp giữa các cơ quan trong Mạng lưới TBT Việt Nam với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực thi các nhiệm vụ thuộc Đề án TBT giai đoạn 2011-2015.

d) Điều tra nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp, xác định các vấn đề và đối tượng cần ưu tiên trong hoạt động tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn về TBT.

đ) Tiếp cận và sử dụng thông tin về TBT trong hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại thông qua chương trình quốc gia hàng năm về xúc tiến thương mại.

e) Bố trí nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ quan trong Mạng lưới TBT.

6. Nâng cao hiệu quả của hoạt động phổ biến, tuyên truyền về vai trò và ảnh hưởng của hàng rào kỹ thuật trong thương mại đối với sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm, hàng hoá

a) Mở chuyên mục về TBT trên kênh truyền hình, tổ chức tọa đàm về các chủ đề TBT mà doanh nghiệp và người tiêu dùng quan tâm; đăng tải tin tức, bài viết, phóng sự về TBT trên báo, tạp chí; phát hành bản tin, tờ rơi giới thiệu về TBT, Đề án TBT, mạng lưới các cơ quan, tổ chức về TBT; văn bản pháp luật, tài liệu về TBT...

b) Xây dựng và hoàn thiện công thông tin, trang thông tin điện tử về TBT đáp ứng yêu cầu quản lý và nhu cầu thông tin của doanh nghiệp, người tiêu dùng.

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan về TBT.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án.
2. Các quy định khác của Bộ, ngành, địa phương.